

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 385/2024/DS-PT
Ngày 19-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp;

Ông Hà Chí Quốc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 339/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Cao Hoài T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền; văn bản ủy quyền ngày 16-01-2024 và ngày 17-8-2024; có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958; nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền; văn bản ủy quyền ngày 02-02-2024; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh N2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng: Anh Bùi Duy N3, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Nghĩa l bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Cao Hoài T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 8-2023, do ông N và bà N1 có nhu cầu vay tiền đáo hạn Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã T, tỉnh Tây Ninh (sau đây viết tắt là Ngân hàng); nên anh Bùi Duy N3 là cán bộ tín dụng của Ngân hàng giới thiệu ông N, bà N1 vay tiền của anh T. Anh T đồng ý cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay vài ngày, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; khi nào ông N, bà N1 vay được tiền ngân hàng sẽ trả nợ gốc và tiền lãi cho anh T. Do vậy nên ngày 21-8-2023, anh T đã chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Thanh N2 số tiền 1.500.000.000 đồng, chị N2 đã giao toàn bộ số tiền này cho ông N, bà N1 trả nợ cho ngân hàng. Nhưng sau khi ông N, bà N1 trả nợ cho ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì không vay tiền lại để trả cho anh T. Nay anh T yêu cầu ông N, bà N1 trả số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21-8-2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Chị là con ruột của ông N, bà N1. Chị thừa nhận cha, mẹ có nhận qua tài khoản của chị ruột là chị Nguyễn Thị Thanh N2 số tiền 1.500.000.000 đồng và sử dụng để đáo hạn ngân hàng vào ngày 21-8-2023. Nguyên do là cha mẹ chị hỏi vay tiền của anh N3 là cán bộ tín dụng của Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đến khi nào cha, mẹ chị vay lại được thì trả nợ gốc và tiền lãi; nhưng sau đó Ngân hàng không cho vay lại nên không có tiền trả. Cha, mẹ chị đã nhiều lần vay tiền của anh N3 để đáo hạn ngân hàng và chỉ thỏa thuận với anh N3, không biết ai khác. Nay cha mẹ chị đồng ý trả cho anh N3 số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21-8-2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh T vì không biết anh T là ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh N2 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Chị là con ruột của ông N, bà N1. Do ông N, bà N1 đến hạn trả nợ Ngân hàng nên có nói anh N3 là cán bộ Ngân hàng yêu cầu gia đình phải cung cấp số tài khoản của Ngân hàng N4 để anh N3 hướng dẫn làm thủ tục đáo hạn; do đó,

chị cung cấp số tài khoản của chị cho anh N3. Vào ngày 21-8-2023, chị có nhận được số tiền 1.500.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của chị. Sau khi nhận được tiền thì chị làm theo hướng dẫn của anh N3 là chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản của ông N, để ông N trả nợ cho Ngân hàng. Trước đây ông N, bà N1 cũng nhiều lần làm thủ tục đáo hạn ngân hàng như vậy. Chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Anh Bùi Duy N3 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh là cán bộ tín dụng của Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Ông N, bà Nghĩa 1 khách vay tiền của Ngân hàng. Vào tháng 8-2023, Hợp đồng tín dụng của ông N và bà N1 đến hạn thanh toán nên có nhờ anh giới thiệu chỗ vay tiền để trả nợ cho Ngân hàng; anh giới thiệu cho ông N, bà N1 vay của anh T số tiền 1.500.000.000 đồng; nhưng việc hai bên thỏa thuận vay cụ thể như thế nào thì anh không rõ. Hiện ông N, bà N1 đã trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng không vay lại. Anh N3 không yêu cầu ông N, bà N1 trả cho anh bất cứ khoản tiền nào vì anh không cho ông N, bà N1 vay tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; quyết định:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Hoài T đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả cho anh Cao Hoài T số tiền 1.701.667.000 (Một tỷ bảy trăm lẻ một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 06-5-2024 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, theo hướng đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Hoài T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày ý kiến, với nội dung: Anh T khai có gặp trực tiếp cha mẹ chị để trao đổi việc vay tiền là không đúng sự thật; mà việc vay tiền chỉ thỏa thuận với anh N3; do đó cha mẹ chị không đồng ý trả khoản vay cho anh T.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến, với nội dung: Anh T đã trình bày tại cấp phúc thẩm như sau: Do gần nhà nên quen biết với anh Bùi Duy N3 (làm việc tại Ngân Hàng N4 - Chi nhánh Thị xã T, tỉnh Tây Ninh); anh N3 cho biết có khách hàng cần vay tiền để đáo hạn hỏi anh có cho vay không thì anh đồng ý cho vay lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; anh N3 đồng ý vì vậy anh N3 cung cấp cho anh số tài khoản thụ hưởng; do là bạn bè tin tưởng nên anh đã dùng tài khoản của mình số 5704488883838 chuyển tiền vào số tài khoản: 5704205094308; số tiền giao dịch thành công là 1.500.000.000 đồng vào lúc 10 giờ 58 phút, ngày 21-8-2023; anh chụp màn hình điện thoại gửi cho anh N3 biết. Vào thời điểm chuyển khoản số tiền 1.500.000.000 đồng ngày 21-8-2023 thì anh không quen biết trước đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 cũng như chủ tài khoản nhận tiền là chị Nguyễn Thị Thanh N2; thông tin nhân thân của những người này do anh N3 cung cấp cho anh. Nay anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh N2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[1.3] Người làm chứng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, việc vắng mặt không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Duy N3.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Vào lúc 10 giờ 58 phút, ngày 21-8-2023; tài khoản ngân hàng số 5704488883838 được mở tại Phòng N4 - Chi nhánh Thị xã T, tỉnh Tây Ninh, do anh Cao Hoài T là chủ sở hữu, đã chuyển khoản số tiền 1.500.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 5704205094308 do chị Nguyễn Thị Thanh N2 là chủ sở hữu. Sau đó, chị N2 đã chuyển khoản số tiền 1.500.000.000 đồng này cho cha ruột là ông Nguyễn Văn N sử dụng để thanh toán cho khoản vay của ông N, bà N1 nợ tại Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã T, tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng); việc các bên đơn phương thực hiện các giao dịch này là do anh Bùi Duy N3 là cán bộ tín dụng của Ngân hàng phụ trách khoản vay của ông N, bà N1; biết được ông N, bà N1 cần vay tiền để thanh toán nợ cho Ngân hàng nên anh N3 giới thiệu khoản vay 1.500.000.000 đồng của khách hàng này cho anh T và được anh T đồng ý về số tiền cho vay gốc là 1.500.000.000 đồng, lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; ông N, bà N1 đồng ý mức lãi suất cho vay của số tiền cần vay là 1.500.000.000 đồng. Các tình tiết, sự kiện nêu trên đều được các đương sự thống nhất thừa nhận, phù hợp với lời trình bày của anh Bùi Duy N3; phù hợp với sự kiện khách quan đã diễn ra trong thực tế việc ông N, bà N1 thanh toán nợ tại Ngân hàng; nên có căn cứ kết luận số tiền 1.500.000.000 đồng này không phải của anh N3 mà là của anh T; được xác định là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, xét về bản chất thì anh T là bên cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng và ông N, bà Nghĩa 1 bên vay đã thụ hưởng số tiền 1.500.000.000 đồng này từ anh T; được thực hiện thông qua người trung gian là anh Bùi Duy N3. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông N, bà N1 có nghĩa vụ đối với anh T được phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn, có lãi với mức lãi suất được điều chỉnh là 20%/năm tính từ ngày 21-8-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (23-4-2024); là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, ông N, bà N1 cho rằng chỉ đồng ý có nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh N3, không đồng ý có nghĩa vụ đối với anh T và kháng cáo nội dung này là không có cơ sở chấp nhận; nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[3] Trong vụ án này cần xác định anh Bùi Duy N3 tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng; cấp sơ thẩm xác định tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng; cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N, bà N1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Cao Hoài T** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông **Nguyễn Văn N**, bà **Nguyễn Thị N1**.

Ông **Nguyễn Văn N** và bà **Nguyễn Thị N1** có nghĩa vụ trả cho anh **Cao Hoài T** số tiền 1.701.667.000 (một tỷ bảy trăm lẻ một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi là 201.667.000 (hai trăm lẻ một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất *quy định tại khoản 2 Điều 468* của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Ông **Nguyễn Văn N** và bà **Nguyễn Thị N1** được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

3.2. Anh **Cao Hoài T** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh **Cao Hoài T** số tiền 30.795.000 (ba mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0015236 ngày 22-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND T.X Trảng Bàng;
- Chi cục THADS T.X Trảng Bàng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Tòng